



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THIẾT
BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ TĨNH**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	5
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12 tháng 11 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 22.310.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2014: 22.310.580.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 58 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 039.856787
- Fax: (84) 039.852352
- Website: www.hbec.com.vn
- Email: gdhbec@gmail.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối ngày 30/06/2014 là 4 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 2 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|----------------|--|
| • Ông Hoàng Lê Bách | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 09/09/2014 |
| • Ông Hồ Gia Bảo | Quyền Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 17/04/2014
Từ nhiệm ngày 18/05/2014 |
| • Ông Hồ Phương Nam | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/05/2013
Miễn nhiệm ngày 17/04/2014 |
| | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 22/08/2014 |
| • Ông Đồng Văn Hùng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Ông Lê Anh Quân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11/04/2010
Từ nhiệm ngày 20/04/2014 |
| • Bà Hồ Thị Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11/04/2010
Từ nhiệm ngày 20/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Thái Toại | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11/04/2010
Từ nhiệm ngày 18/05/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Yên | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014 |
| • Bà Đào Thị Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/05/2014 |
| • Bà Trương Thị Ninh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/10/2010
Từ nhiệm ngày 18/05/2014 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Trần Thị Thu Hà	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/09/2014
• Ông Hồ Phương Nam	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/05/2014
		Miễn nhiệm ngày 09/09/2014
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/04/2010
		Miễn nhiệm ngày 13/05/2014
• Ông Hồ Gia Bảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/04/2010
		Miễn nhiệm ngày 13/05/2014
• Bà Hồ Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/04/2010
		Miễn nhiệm ngày 01/01/2014
• Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014
	Kiểm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 04, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Sự kiện phát sinh trong kỳ

Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 18/05/2014 đã tiến hành biểu quyết và không thông qua 5 nội dung cụ thể như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013.
3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013.
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp trọng tâm và cổ tức năm 2014.
5. Danh sách Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Quyền Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà
Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 09 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnng.vn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1158/2014/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tĩnh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, được lập ngày 11/09/2014 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 28. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Một số khoản nợ phải thu 1.141.371.265 đồng, nợ phải trả 855.675.255 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 30/06/2014. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận công nợ, nhưng đến thời điểm hiện nay, chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Nguyễn Trọng Hiếu – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0391-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 09 năm 2014

Lâm Quang Tú – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.104.081.340	3.010.984.501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		393.703.368	115.493.796
1. Tiền	111	5	393.703.368	115.493.796
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		394.044.349	499.793.309
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	394.044.349	499.793.309
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.253.900.328	2.336.100.228
1. Phải thu khách hàng	131		2.557.211.616	1.183.997.495
2. Trả trước cho người bán	132		2.000.000	25.781.600
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.943.731.603	1.998.311.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.249.042.891)	(871.990.337)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.433.295	59.597.168
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	8.172.250	5.336.123
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	46.120.445	46.120.445
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	8.140.600	8.140.600
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.260.844.794	23.304.046.920
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.141.714.764	2.498.165.863
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.141.714.764	2.498.165.863
- Nguyên giá	222		2.598.463.289	2.942.254.574
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(456.748.525)	(444.088.711)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		32.000.000	32.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240	13	2.588.540.625	2.386.323.980
- Nguyên giá	241		3.536.061.148	3.192.269.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(947.520.523)	(805.945.883)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	16.311.355.184	18.187.375.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		18.000.000.000	18.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		110.525.000	187.375.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.799.169.816)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		219.234.221	232.182.077
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	219.234.221	232.182.077
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.364.926.134	26.315.031.421

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.906.220.336	2.857.856.399
I. Nợ ngắn hạn	310		3.906.220.336	2.857.856.399
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	185.000.000	225.000.000
2. Phải trả người bán	312		2.657.016.824	1.611.813.064
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	106.416.683	93.144.828
4. Phải trả người lao động	315		7.307.000	33.820.000
5. Chi phí phải trả	316	18	6.786.000	8.916.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	892.419.207	832.537.885
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		51.274.622	52.624.622
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.458.705.798	23.457.175.022
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	20.458.705.798	23.457.175.022
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	22.310.580.000	22.310.580.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	20	637.870.381	637.870.381
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	276.895.151	276.895.151
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	20	267.025.800	267.025.800
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	(3.033.665.534)	(35.196.310)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.364.926.134	26.315.031.421

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 09 năm 2014

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	21	2.780.694.512	6.694.019.174
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	29.932.806
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	21	2.780.694.512	6.664.086.368
4. Giá vốn hàng bán	11	22	2.535.372.560	6.560.901.790
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		245.321.952	103.184.578
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	449.525.685	570.558.500
7. Chi phí tài chính	22	24	1.808.617.738	198.139.263
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	9.078.548	170.984.825
8. Chi phí bán hàng	24		640.000	232.840.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.886.159.373	773.311.643
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.000.569.474)	(530.548.286)
11. Thu nhập khác	31	25	2.100.250	139.410.598
12. Chi phí khác	32		-	122.752.813
13. Lợi nhuận khác	40		2.100.250	16.657.785
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	26	(2.998.469.224)	(513.890.501)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	26	(2.998.469.224)	(513.890.501)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(1.344)	(230)

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà
Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 09 năm 2014

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	1.438.540.612	6.771.018.538
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(1.564.261.999)	(8.587.288.477)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(212.432.900)	(606.890.780)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.219.084)	(179.880.325)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	363.345.603	315.307.967
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(289.468.695)	(601.882.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(268.496.463)	(2.889.615.362)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	60.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.631.691.965)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	182.598.960	2.161.916.406
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.900.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	404.107.075	569.416.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	586.706.035	4.059.640.648
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	344.357.150	5.907.062.894
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(384.357.150)	(7.701.225.235)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(40.000.000)	(1.794.162.341)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	278.209.572	(624.137.055)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	115.493.796	834.306.418
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	393.703.368	210.169.363

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 09 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12 tháng 11 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE, theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thu viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

Ù Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Không thuộc đối tượng chịu thuế.
 - Đối với hoạt động bán thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%.
 - Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác...: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	31.756.794	71.932.838
Tiền gửi ngân hàng	361.946.574	43.560.958
Cộng	393.703.368	115.493.796

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cho Công ty TNHH MTV Thương mại HBE vay (*)	394.044.349	499.793.309
Cộng	394.044.349	499.793.309

(*) Cho Công ty TNHH MTV Thương mại HBE vay theo Hợp đồng vay số 28102013/SACH-TB ngày 28/10/2013 và phụ lục hợp đồng số 09012014/PLHĐVV ngày 29/04/2014. Thời gian cho vay là 12 tháng kể từ ngày 29/04/2014, lãi suất cho vay được xác định theo lãi suất của ngân hàng VCB Hà Tĩnh tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	784.454.163	757.160.242
- Trong đó, phải thu lợi nhuận được chia	45.418.610	-
Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi)	963.984.434	1.017.108.184
Hoàng Ngọc Tài	18.946.968	18.946.968
Công ty TNHH Công nghiệp HBE	167.743.071	151.307.684
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	-	33.981.424
Các khoản phải thu khác	8.602.967	19.806.968
Cộng	1.943.731.603	1.998.311.470

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	1.250.000
Bảo hiểm xe ô tô	8.172.250	4.086.123
Cộng	8.172.250	5.336.123

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	46.120.445	46.120.445
Cộng	46.120.445	46.120.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	8.140.600	8.140.600
Cộng	8.140.600	8.140.600

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.380.954.574	561.300.000	2.942.254.574
Chuyển qua BĐS đầu tư	343.791.285	-	343.791.285
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	2.037.163.289	561.300.000	2.598.463.289
Khấu hao			
Số đầu năm	242.956.211	201.132.500	444.088.711
Khấu hao trong kỳ	44.185.303	28.065.000	72.250.303
Chuyển qua BĐS đầu tư	59.590.489	-	59.590.489
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	227.551.025	229.197.500	456.748.525
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.137.998.363	360.167.500	2.498.165.863
Số cuối kỳ	1.809.612.264	332.102.500	2.141.714.764

Ù Không có tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014.

Ù Không có tài sản cố định dùng cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại thời điểm 30/06/2014.

Ù Trong kỳ, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc từ 50 năm xuống 25 năm. Theo đó, chi phí khấu hao trong kỳ tăng lên 20.270.719 đồng so với mức khấu hao cũ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	32.000.000	32.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	32.000.000	32.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	32.000.000	32.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	32.000.000	32.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	-	-

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	715.204.000	2.477.065.863	3.192.269.863
TSCĐ HH chuyển thành BĐS đầu tư	-	343.791.285	343.791.285
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	715.204.000	2.820.857.148	3.536.061.148
Khấu hao			
Số đầu năm	-	805.945.883	805.945.883
TSCĐ HH chuyển thành BĐS đầu tư	-	59.590.489	59.590.489
Khấu hao trong kỳ	-	81.984.151	81.984.151
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	947.520.523	947.520.523
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	715.204.000	1.671.119.980	2.386.323.980
Số cuối kỳ	715.204.000	1.873.336.625	2.588.540.625

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m² tại 58 Phan Đình Phùng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

Trong kỳ, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc từ 50 năm xuống 25 năm. Theo đó, chi phí khấu hao trong kỳ tăng lên 50.337.666 đồng so với mức khấu hao cũ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	18.000.000.000	18.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	13.500.000.000	13.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	4.500.000.000	4.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác (Cho nhân viên vay) (*)	110.525.000	187.375.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.799.169.816)	-
- Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	(312.726.131)	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	(1.486.443.685)	-
Cộng	16.311.355.184	18.187.375.000

(*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Trong 6 tháng tính từ ngày 01/2010, Công ty và các cá nhân vay vốn sẽ phối hợp bán cổ phiếu để trả tiền gốc và lãi vay cho Công ty. Sau 6 tháng, nếu cổ phiếu tương ứng với số tiền vay chưa được bán, Công ty và các cá nhân vay tiền sẽ có qui định phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và Công ty. Theo đó, trong năm 2012 Công ty và các cá nhân này đã thống nhất gia hạn thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 1%/tháng.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	30.612.115	41.349.556
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*)	188.622.106	190.832.521
Cộng	219.234.221	232.182.077

(*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m² tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Mảnh đất đang được sử dụng làm nhà kho.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn cá nhân	185.000.000	225.000.000
Cộng	185.000.000	225.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	14.484.183	41.844.528
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.898.800
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	91.932.500	48.401.500
Cộng	106.416.683	93.144.828

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí phát hành phải trả	6.786.000	8.916.000
Cộng	6.786.000	8.916.000

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	64.015.404	63.996.735
BHXH, BHYT, BHTN	5.100.449	24.235.011
Phải trả Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	94.859.464	-
- <i>Lãi vay phải trả</i>	4.859.464	-
- <i>Phải trả khác</i>	90.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	728.443.890	744.306.139
- <i>Sở Tài chính (*)</i>	550.000.000	550.000.000
- <i>Các khoản phải trả khác</i>	178.443.890	194.306.139
Cộng	892.419.207	832.537.885

(*) Phải trả khác Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty CP Sách TBTH Hà Tĩnh và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.
- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
SD tại 01/01/2013	22.310.580.000	637.870.381	276.895.151	267.025.800	465.305.268	23.957.676.600
Tăng trong năm	-	-	-	-	(500.501.578)	(500.501.578)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
SD tại 31/12/2013	22.310.580.000	637.870.381	276.895.151	267.025.800	(35.196.310)	23.457.175.022
SD tại 01/01/2014	22.310.580.000	637.870.381	276.895.151	267.025.800	(35.196.310)	23.457.175.022
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(2.998.469.224)	(2.998.469.224)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
SD tại 30/06/2014	22.310.580.000	637.870.381	276.895.151	267.025.800	(3.033.665.534)	20.458.705.798

b. Cổ phiếu

	30/06/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu thường	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu thường	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(35.196.310)	465.305.268
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.998.469.224)	(500.501.578)
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.033.665.534)	(35.196.310)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.780.694.512	6.694.019.174
- Sách giáo khoa, sách tham khảo	2.470.092.333	6.694.019.174
- Dịch vụ khác	310.602.179	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	29.932.806
- Hàng bán bị trả lại	-	29.932.806
Cộng	2.780.694.512	6.664.086.368

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	2.446.720.409	6.560.901.790
Giá vốn dịch vụ khác	88.652.151	-
Cộng	2.535.372.560	6.560.901.790

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.783.075	307.558.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	404.742.610	-
Tiền chuyển nhượng vốn đầu tư năm 2012 thu thêm	-	263.000.000
Cộng	449.525.685	570.558.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	9.078.548	170.984.825
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.799.169.816	27.154.438
Chi phí tài chính khác	369.374	-
Cộng	1.808.617.738	198.139.263

25. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu nhập từ bán thanh lý tài sản cố định	-	54.545.455
Thu nhập từ cho thuê nhà nội trú	-	15.681.819
Khuyến mãi được hưởng	-	57.739.280
Các khoản thu nhập khác	2.100.250	11.444.044
Cộng	2.100.250	139.410.598

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.998.469.224)	(513.890.501)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(378.373.236)	5.200.000
Điều chỉnh tăng	26.369.374	5.200.000
- Lãi chậm nộp BHXH	369.374	-
- Các khoản chi phí không hợp lệ khác	26.000.000	5.200.000
Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được từ các Công ty con)	404.742.610	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(3.376.842.460)	(508.690.501)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(2.998.469.224)	(513.890.501)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.998.469.224)	(513.890.501)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	(2.998.469.224)	(513.890.501)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.231.058	2.231.058
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.344)	(230)

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.199.900	82.510.351
Chi phí nhân công	197.879.172	423.999.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	154.234.454	65.925.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.843.707	285.310.404
Chi phí khác bằng tiền	77.130.008	148.406.962
Cộng	588.287.241	1.006.152.101

29. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo phương thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có một số khoản phải thu khách hàng tồn đọng nhiều năm không phát sinh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện nay, Công ty có rủi ro tín dụng với các khách hàng trên. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng thì các khoản nợ khó đòi đều được Công ty theo dõi, có biện pháp thu hồi cụ thể và lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	185.000.000	-	185.000.000
Phải trả người bán	2.657.016.824	-	2.657.016.824
Chi phí phải trả	6.786.000	-	6.786.000
Phải trả khác	109.328.037	-	109.328.037
Cộng	<u>2.958.130.861</u>	<u>-</u>	<u>2.958.130.861</u>
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	225.000.000	-	225.000.000
Phải trả người bán	1.611.813.064	-	1.611.813.064
Chi phí phải trả	8.916.000	-	8.916.000
Phải trả khác	106.074.393	-	106.074.393
Cộng	<u>1.951.803.457</u>	<u>-</u>	<u>1.951.803.457</u>

Hiện tại, mặc dù Công ty đang có rủi ro thanh khoản, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

30/06/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	393.703.368	-	393.703.368
Phải thu khách hàng	1.821.286.866	-	1.821.286.866
Đầu tư tài chính	394.044.349	110.525.000	504.569.349
Phải thu khác	432.613.462	-	432.613.462
Cộng	3.041.648.045	110.525.000	3.152.173.045

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.493.796	-	115.493.796
Phải thu khách hàng	826.697.157	-	826.697.157
Đầu tư tài chính	499.793.309	187.375.000	687.168.309
Phải thu khác	1.485.621.471	-	1.485.621.471
Cộng	2.927.605.733	187.375.000	3.114.980.733

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh sách và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Hà Tĩnh.

31. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Công ty con
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	1.175.104.206	3.809.814.170
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	1.222.925.890	2.062.824.110
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Bán sách các loại	-	164.836.595
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Bán sách các loại	2.470.092.333	2.291.025.963
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Cho vay	-	45.983.942
	Vay	169.906.376	719.079.086
	Trả tiền vay	169.906.376	3.078.809.605
	Chi phí lãi vay	4.859.464	-
	Lợi nhuận được chia	279.324.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Cho vay	-	3.756.072.433
	Thu tiền cho vay	105.748.960	3.256.297.124
	Lãi cho vay	22.568.402	183.420.380
	Lợi nhuận được chia	125.418.610	-

c. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Ứng trước tiền hàng	-	1.781.600
	Phải trả người bán	457.959.602	-
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán	1.996.135.544	1.273.209.654
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Phải thu khác	-	33.981.424
	Phải trả lãi vay	4.859.464	-
	Phải trả khác	90.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Phải thu khách hàng	1.708.391.333	-
	Phải thu tiền cho vay	394.044.349	499.793.309
	Phải thu lợi nhuận được chia	45.418.610	-
	Phải thu khác	739.035.553	757.160.242

d. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lương Ban Tổng Giám đốc	98.268.339	114.406.022
Thù lao Hội đồng quản trị	-	52.560.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013. Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 09 năm 2014